

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HS-ST  
Ngày: 21 - 02 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lư Thị Châu Ngọc.

*Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Văn Thảo;
2. Ông Nguyễn Trung Hiếu.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Văn Nguyệt Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 118/2019/TLST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2020; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 01/TB-TA ngày 08/01/2020 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 03/TB-TA ngày 06/02/2020 đối với các bị cáo:

1. Tạ Thị M, sinh năm 1993; tại: Châu Đốc - An Giang; nơi cư trú: tổ 10, khóm CL, phường M, thành phố K, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ, tôn giáo: Đạo phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tạ Đình CC (chết) và bà Đỗ Thu ĐT; có chồng Bùi Văn VT, sinh năm 1988; có 01 con, sinh năm 2018;

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 28/10/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Đặng Văn B, sinh năm 1996; tại: PT - An Giang; nơi cư trú: ấp P, xã PX, huyện PT, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn XI, bà Nguyễn Thị NT; chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 31/10/2019, Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang, kết án 02 năm 06 tháng tù, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

Bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ - Công an thành phố K, tỉnh An Giang, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Ông Kim Văn S, sinh năm 1969, nơi cư trú: Tổ 10, khóm CL, phường M, thành phố K, tỉnh An Giang, vắng mặt.

- Ông Lê Phước H (TE), sinh năm 1977, nơi cư trú: ấp F, thị trấn AP, huyện AP, tỉnh An Giang; chỗ ở hiện nay: Nhà Tạm Giữ, Công an huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1983, nơi cư trú: tổ 4, ấp A, xã G, huyện AP, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Người làm chứng:

- Bà Đỗ Thu DT, sinh năm 1973, vắng mặt;
- Bà Trần Thị Kim KT (tm), sinh năm 1982, vắng mặt;
- Ông Lương Bá LH, sinh năm 1993, vắng mặt;
- Bà Đỗ Tuyết TN, sinh năm 1971, vắng mặt;
- Trường Thanh G, sinh năm 1987, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 7 giờ ngày 12/4/2019, Đặng Văn B cùng Tạ Thị M đến nhà trọ “Năm Nuôi” (tổ 10, khóm CL, Phường M, thành phố K), nơi Kim Văn S (cha dượng của M) đang thuê nghỉ trọ, để tắm, thay quần áo. Lúc này, S không có tại phòng trọ, cửa phòng trọ đã khóa, B mở khóa cửa đi vào phòng trọ. M và B thấy 01 chiếc xe mô tô, biển số 67N3 - 3017 của S, dựng trong phòng trọ, nên lấy trộm điều khiển đến xã PX, huyện PT, tỉnh An Giang: đến ngày 13/4/2019, M điều khiển xe mô tô trên về thành phố K, bị lực lượng Công an phát hiện, bắt giữ.

Khoảng 10 giờ ngày 02/5/2019, Lê Phước H điều khiển xe mô tô, biển số 67AF – 057.26, chở Tạ Thị M đến quán giải khát “Sân Vườn” (tổ 19, khóm VĐ, phường S, thành phố K), uống nước. Tại đây, M mượn điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J4 (trị giá 800.000 đồng) của H chơi game, còn H nằm vờ ngủ. M có ý định chiếm đoạt xe mô tô của H để trả nợ, nên lén lút lấy chìa khóa xe của H để trong túi áo đang mặc, trộm cắp xe, đem đến xã B, huyện CP, tỉnh An Giang, đưa cho Lê Thanh G (bạn của M), để trừ nợ; đồng thời, chiếm đoạt điện thoại di động H cho mượn chơi game, đem bán cho người lạ (không rõ họ tên, địa chỉ; không thu hồi được), lấy tiền mua ma túy sử dụng; ngày 16/5/2019, H trình báo Cơ quan Công an, thu giữ xe mô tô, trao trả cho bị hại H.

Vật chứng thu giữ: 01 xe mô tô biển số 67N3-3017, đã trao trả cho bị hại Kim Văn S; 01 xe mô tô, biển số 67AF-057.26, đã trả cho bị hại Lê Phước H.

Kết luận định giá tài sản số 166 ngày 18/4/2019 và số 375 ngày 07/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố K, xác định:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu RIMA, màu saown: đen- xám, biển số 67N3-3017, trị giá 4.000.000 đồng (của Kim Văn S).

- 01 xe mô tô nhãn hiệu WAVCTHAILANE, số loại 50, màu S đỏ, biển số 67AF-057.26, trị giá 6.000.000 đồng, 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J4, trị giá 800.000 đồng (của Lê Phước H).

Căn cứ quyết định khởi tố vụ án hình sự số 211 ngày 16/8/2019 và số 261 ngày 20/9/2019; Quyết định nhập vụ án hình sự số 15 ngày 20/9/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố K, tỉnh An Giang về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tại bản Cáo trạng số 117/CT-VKSCĐ ngày 23/12/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K đã truy tố bị cáo Tạ Thị M và Đặng Văn B về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận và trong lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác mà còn gây tâm lý hoang mang trong nhân dân. Trong vụ án này bị cáo B đồng phạm với bị cáo M trộm cắp xe mô tô của bị hại S; nhưng đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, không có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm, các bị cáo chỉ thống nhất cùng thực hiện tội phạm. Khi thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô của bị hại S, chính bị cáo B là người khởi xướng, rủ rê bị cáo M để cùng nhau trộm cắp xe mô tô làm phương tiện đi lại; do xe không có chìa khóa, bị cáo B đã tìm cách câu điện trực tiếp khởi động xe không được, nên cùng M đem xe đến tiệm sửa xe "*A Tuấn*" của Lương Bá LH nhờ khởi động xe, điều khiển đến xã PX, huyện PT, tỉnh An Giang. Riêng bị cáo M sau đó còn có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô, 01 điện thoại di động của Lê Phước H do đó cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của từng bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội. Bên cạnh đó, bản thân bị cáo M là đối tượng nghiện ma túy, nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác, mỗi lần thực hiện hành vi đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm

hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại các điểm g khoản Điều 52 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo B: Ngoài lần phạm tội này, trước đó ngày 31/10/2019, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang, kết án 02 năm 06 tháng tù, về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", án đã có hiệu lực pháp luật; do đó cần áp dụng Điều 55, 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung.

Tuy nhiên, các bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, học lực thấp, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Cho nên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo khi lượng hình.

Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Tạ Thị M từ 01 năm đến 02 năm tù;

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Văn B từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Cùng về tội "*Trộm cắp tài sản*".

- Áp dụng Điều 55, 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bản án số 26/2019/HS-ST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang đã xét xử đối với bị cáo Đặng Văn B trước đó, để buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự, các bị hại S, H đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên đề nghị không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

*Về tố tụng:*

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viên kiểm sát; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[2] Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định tiến hành xét xử.

### *Về nội dung,*

[3] Hành vi phạm tội: Tại phiên tòa các bị cáo Tạ Thị M và Đặng Văn B cùng khai nhận, khoảng 07 giờ ngày 12/4/2019, M nhờ Bảo điều khiển xe mô tô chở M về phòng trọ của ba dựng M tên Kim Văn S, tại tổ 10, khóm CL, phường M, thành phố Châu Đốc để tắm và thay quần áo. Lúc đến nơi thấy ông S đi vắng, phòng trọ khóa ngoài, B dùng tay tháo ốc gắn khoen khóa cửa vào vách, mở được phòng trọ ra rồi cả hai đi vào phòng trọ thấy 01 xe mô tô nhãn hiệu Rima, biển số 67N3-3017 nên nảy sinh ý định lấy trộm, B dùng tua vít (có sẵn trong phòng trọ) tháo mặt nạ xe mô tô của ông S ra câu điện trực tiếp khởi động máy xe nhưng xe không nổ máy nên M dẫn xe này ra ngoài cho Bảo dùng xe mô tô của Bảo đẩy xe mô tô của ông S đến tiệm sửa xe "A Tuấn" số 125 đường Tôn Đức Thắng, tổ 08, khóm Châu Long 1, phường Vĩnh Mỹ, thành phố K nhờ khởi động xe, rồi B và M mang xe mô tô ông S về nhà của B ở ấp P, xã PX, huyện PT, tỉnh An Giang cất giấu.

Ngày 13/4/2019, M điều khiển xe mô tô trộm của ông S đến phường S tìm mua ma túy sử dụng thì bị Công an phát hiện tạm giữ xe.

Bên cạnh đó bị cáo M khai, khoảng 08 giờ ngày 02/5/2019, Lê Phước H (TE) điều khiển xe mô tô, biển số 67AF-057.26 chở bị cáo từ Trung tâm Châu Đốc Đến Núi Sam tìm mua ma túy sử dụng. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, Hiến chở bị cáo đến quán cà phê "Sân vườn" thuộc tổ 19, khóm VĐ, phường S, thành phố K, uống nước. Tại đây, M mượn điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG GALAXY J4 của H chơi game và lợi dụng lúc H nằm ngủ, bị cáo lên lút lấy trộm xe của H đem đến xã Bình Long, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, đưa cho Lê Thanh G để trừ nợ. Đồng thời chiếm đoạt điện thoại di động H cho mượn chơi game, đem bán cho người lạ lấy tiền mua ma túy sử dụng và sau đó bị cáo cùng Dũng bỏ trốn.

Xét lời khai của 02 bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của từng bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và các tài liệu, chứng cứ khác gồm: Biên bản khám nghiệm hiện trường; kết luận định giá tài sản; lời khai các bị hại Kim Văn S, Lê Phước H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn D và những người làm chứng Đỗ Thu ĐT, Trần Thị Kim KT, Lương Bá LH, Đỗ Tuyết TN, Trương Thanh Phương; vật chứng thu giữ trong vụ án, cùng các tài liệu chứng cứ thu thập trong quá trình điều tra và kiểm chứng tại phiên tòa hôm nay.

Từ đó có đủ cơ sở xác định Tạ Thị M đã có hành vi lén lút lấy trộm 01 xe mô tô của Kim Văn S và 01 xe mô tô, 01 điện thoại di động của Lê Phước H, tổng trị giá chiếm đoạt 10.800.000 đồng. Đặng Văn B đồng phạm với Tạ Thị M trộm cắp xe mô tô của Kim Văn S, trị giá 4.000.000 đồng. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của S, H là xâm phạm quyền sở hữu của người khác nhưng các bị cáo vẫn có ý thực hiện

thông qua cách thức thực hiện hành vi chiếm đoạt và sự thừa nhận của các bị cáo tại phiên tòa. Vì vậy, hành vi của của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố các bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

Quyền sở hữu là một trong những quyền thiêng liêng đối với con người. Để được sở hữu tài sản người lao động phải trải qua quá trình lao động vất vả có thể qua nhiều thế hệ mới tạo lập được. Cho nên, quyền sở hữu được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Trong lĩnh vực hình sự, những ai có hành vi xâm phạm quyền sở hữu của người khác đáp ứng quy định của pháp luật sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Các bị cáo đang ở tuổi lao động. Đáng lẽ, phải cố gắng lao động tạo ra tài sản chính đáng cho bản thân nhưng vì háms lợi, các bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của của bị hại. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, thể hiện sự xem thường pháp luật không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người, mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây tâm lý lo sợ bị mất tài sản trong nhân dân. Bên cạnh đó, bản thân bị cáo M là đối tượng nghiện ma túy, nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác, mỗi lần thực hiện hành vi đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Đối với bị cáo B: Ngoài lần phạm tội này, trước đó ngày 31/10/2019, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang, kết án 02 năm 06 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", án đã có hiệu lực pháp luật; do đó cần áp dụng Điều 55, 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung.

Xét về vai trò đồng phạm: Đây là vụ án có đồng phạm nhưng thuộc đồng phạm giản đơn, không có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm, các bị cáo chỉ thống nhất cùng thực hiện tội phạm. Khi thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô của bị hại S, chính bị cáo Bảo là người khởi xướng, rủ rê bị cáo M để cùng nhau trộm cắp xe mô tô làm phương tiện đi lại. Tính nguy hiểm cho xã hội do hành vi của bị cáo B gây ra cao hơn so với hành vi của bị cáo M gây ra. Do đó, cần có hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung

[4] Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo M có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên", quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố các bị cáo Tạ Thị M và Đặng Văn B đồng phạm tội "Trộm cắp tài sản".

*Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, 17, 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.*

Xử phạt bị cáo Tạ Thị M: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo M được tính kể từ ngày 28/10/2019 *(hai mươi tám tháng mười, năm hai nghìn không trăm mười chín)*.

*Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 55, 56, 17, 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.*

Xử phạt bị cáo Đặng Văn B: 01 (một) năm tù.

Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt theo bản án hình sự sơ thẩm số 26/2019/HS-ST ngày 31/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang; Buộc bị cáo Đặng Văn B chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 03(ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 19/4/2019 *(ngày mười chín, tháng tư, năm hai ngàn không trăm mười chín)*.

*Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333, Điều 337 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Buộc bị cáo: Tạ Thị M, Đặng Văn B, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bị hại S, H người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan D là 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS thành phố (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lư Thị Châu Ngọc**